

Số: 231/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về quản lý, giám sát, giáo dục
người chấp hành án hình sự tại cộng đồng

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Bộ luật Hình sự số 100/2025/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14, Luật số 59/2024/QH15 và Luật số 86/2025/QH15;

Căn cứ Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2025/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 02/2017/QH14, Luật số 34/2024/QH15, Luật số 59/2024/QH15 và Luật số 99/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thi hành án hình sự số 127/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định nội dung, biện pháp, kinh phí thực hiện quản lý, giám sát, giáo dục người được hưởng án treo, người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, cấm cư trú, người được hoãn chấp hành án phạt tù, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, tha tù trước thời hạn có điều kiện; quản lý, kiểm soát, giáo dục người chấp hành án phạt quản chế; quản lý, theo dõi, giám sát việc thực hiện thi hành án phạt tước một số quyền công dân, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định (sau đây gọi chung là quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng); trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong thực hiện quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng.

2. Nghị định này áp dụng đối với:

a) Người được hưởng án treo, người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, cấm cư trú, quản chế, tước một số quyền công dân, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, người được hoãn chấp hành án phạt tù, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, tha tù trước thời hạn có điều kiện (gọi chung là người chấp hành án hình sự tại cộng đồng);

b) Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu, Ủy ban nhân dân cấp xã, Công an cấp xã, đơn vị quân đội và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng.

Điều 2. Thời điểm thực hiện quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng

1. Thời điểm bắt đầu thực hiện quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng như sau:

a) Đối với người được hưởng án treo, người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ: Tính từ ngày Công an cấp xã, đơn vị quân đội nhận được quyết định thi hành án của Tòa án hoặc hồ sơ thi hành án, hồ sơ thi hành quyết định của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu;

b) Đối với người chấp hành án phạt cấm cư trú, quản chế: Tính từ ngày Công an cấp xã nhận được chứng nhận chấp hành xong án phạt tù của cơ sở giam giữ phạm nhân hoặc hồ sơ thi hành án của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh;

c) Đối với người chấp hành án phạt tước một số quyền công dân, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định: Tính từ ngày Công an cấp xã, đơn vị quân đội nhận được quyết định thi hành án của Tòa án (trường hợp hình phạt chính là phạt tù cho hưởng án treo, cải tạo không giam giữ), chứng nhận chấp hành xong án phạt tù của cơ sở giam giữ phạm nhân (trường hợp hình phạt chính là phạt tù) hoặc hồ sơ thi hành án của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu;

d) Đối với người được hoãn chấp hành án phạt tù, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, tha tù trước thời hạn có điều kiện: Tính từ ngày Công an cấp xã, đơn vị quân đội nhận được quyết định của Tòa án hoặc hồ sơ thi hành quyết định của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu.

2. Thời điểm kết thúc quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng như sau:

a) Trường hợp người chấp hành án chấp hành xong án phạt: Tính đến ngày chấp hành xong án phạt ghi trong chứng nhận chấp hành xong án phạt do cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu cấp;

b) Người chấp hành án chết: Tính đến ngày người chấp hành án chết ghi trên giấy chứng tử hoặc biên bản, tài liệu khác làm căn cứ xác định người chấp hành án chết;

c) Trường hợp người chấp hành án phải đi chấp hành án phạt tù theo quyết

định của cơ quan, người có thẩm quyền: Tính đến ngày đi chấp hành án.

Điều 3. Nội dung, biện pháp quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng

1. Nội dung công tác quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng, gồm:

- a) Tiếp nhận, quản lý, cập nhập, bổ sung thông tin, tài liệu hồ sơ thi hành án, hồ sơ thi hành quyết định của người chấp hành án hình sự tại cộng đồng;
- b) Tiếp nhận người chấp hành án hình sự tại cộng đồng;
- c) Lập kế hoạch quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng;
- d) Thực hiện nhận xét, báo cáo việc chấp hành án hình sự tại cộng đồng;
- đ) Kiểm điểm người chấp hành án vi phạm nghĩa vụ, vi phạm pháp luật;
- e) Điểm danh, kiểm diện người chấp hành án hình sự tại cộng đồng;
- g) Quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng trong một số trường hợp đặc biệt;
- h) Phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong thực hiện quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng.

2. Các biện pháp quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng, gồm:

- a) Nghiên cứu, khai thác hồ sơ, tài liệu của người chấp hành án hình sự tại cộng đồng;
- b) Tổ chức truyền thông, tuyên truyền, giáo dục chính sách, pháp luật cho người chấp hành án hình sự tại cộng đồng;
- c) Gặp, làm việc trực tiếp người chấp hành án hình sự tại cộng đồng;
- d) Áp dụng phương tiện kỹ thuật thực hiện quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng.

Điều 4. Kinh phí thực hiện việc quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng

1. Kinh phí thực hiện việc quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng gồm:

- a) Chi phí thực hiện các nội dung, biện pháp quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng quy định tại Điều 3 Nghị định này;
- b) Các chi phí cần thiết khác.

2. Kinh phí quy định tại khoản 1 Điều này do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

Chương II

THỰC HIỆN NỘI DUNG QUẢN LÝ, GIÁM SÁT, GIÁO DỤC NGƯỜI CHẤP HÀNH ÁN HÌNH SỰ TẠI CỘNG ĐỒNG

Điều 5. Tiếp nhận, quản lý, cập nhật, bổ sung thông tin, tài liệu hồ sơ thi hành án, hồ sơ thi hành quyết định của người chấp hành án hình sự tại cộng đồng

1. Tiếp nhận quyết định, hồ sơ, tài liệu

a) Đối với người được hưởng án treo, cải tạo không giam giữ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án do Toà án gửi hoặc hồ sơ thi hành án do cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu gửi, Trưởng Công an cấp xã, Thủ trưởng đơn vị quân đội phải cử cán bộ xác minh, nắm chắc thông tin người chấp hành án và tổ chức các biện pháp quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án;

b) Đối với người chấp hành án phạt cấm cư trú, quản chế, tước một số quyền công dân, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo ngày chấp hành xong án phạt tù do cơ sở giam giữ phạm nhân gửi, Trưởng Công an cấp xã, Thủ trưởng đơn vị quân đội phải cử cán bộ phối hợp với gia đình người chấp hành án xác minh thông tin. Trường hợp thông tin về người chấp hành án không đúng với thực tế, Công an cấp xã phải thông báo bằng văn bản cho cơ sở giam giữ phạm nhân đã gửi thông báo. Cơ sở giam giữ phạm nhân có trách nhiệm chỉnh sửa, bổ sung và thông báo lại cho Công an cấp xã.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được chứng nhận chấp hành xong án phạt tù do cơ sở giam giữ phạm nhân gửi hoặc hồ sơ thi hành án do cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu gửi, Trưởng Công an cấp xã, Thủ trưởng đơn vị quân đội phải cử cán bộ phối hợp với gia đình người chấp hành án để nắm thông tin việc người chấp hành án thực tế đã trở về cư trú và tổ chức các biện pháp quản lý, giám sát, giáo dục ngay sau khi người chấp hành án trở về nơi cư trú;

c) Đối với người được hoãn chấp hành án phạt tù: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định hoãn chấp hành án phạt tù do Toà án gửi hoặc hồ sơ thi hành quyết định hoãn chấp hành án phạt tù do cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu gửi, Trưởng Công an cấp xã, Thủ trưởng đơn vị quân đội phải cử cán bộ xác minh, nắm chắc thông tin người được hoãn chấp hành án phạt tù và tổ chức các biện pháp quản lý, giám sát, giáo dục người được hoãn chấp hành án phạt tù;

d) Đối với người được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù do Toà án gửi hoặc hồ sơ thi hành quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù do cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án

hình sự cấp quân khu gửi, Trưởng Công an cấp xã, Thủ trưởng đơn vị quân đội phải cử cán bộ xác minh, nắm chắc thông tin người được tạm đình chỉ chấp hành án, chủ động tiếp nhận người được tạm đình chỉ và tổ chức các biện pháp quản lý, giám sát, giáo dục người được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù;

đ) Đối với người được tha tù trước thời hạn có điều kiện: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được chứng nhận tha tù trước thời hạn có điều kiện do cơ sở giam giữ phạm nhân gửi hoặc hồ sơ quản lý người được tha tù trước thời hạn có điều kiện do cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu gửi, Trưởng Công an cấp xã, Thủ trưởng đơn vị quân đội phải cử cán bộ phối hợp với gia đình người được tha tù trước thời hạn có điều kiện để nắm thông tin việc người được tha tù trước thời hạn có điều kiện đã trở về cư trú và tổ chức các biện pháp quản lý, giám sát, giáo dục sau khi người được tha tù trước thời hạn có điều kiện về nơi cư trú.

2. Quản lý, cập nhật, bổ sung thông tin, tài liệu vào hồ sơ thi hành án, hồ sơ thi hành quyết định

a) Công an cấp xã, đơn vị quân đội có trách nhiệm quản lý hồ sơ thi hành án, hồ sơ thi hành quyết định; cập nhật, bổ sung các thông tin, tài liệu về quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án vào hồ sơ, cơ sở dữ liệu quản lý người chấp hành án hình sự tại cộng đồng;

b) Việc tiếp nhận, quản lý, cập nhật, bổ sung thông tin, tài liệu vào hồ sơ thi hành án, hồ sơ thi hành quyết định thực hiện theo các hình thức thủ công, truyền thống hoặc qua môi trường điện tử, số hoá;

c) Việc tiếp nhận, quản lý, bổ sung thông tin, tài liệu và cập nhật, kết nối cơ sở dữ liệu hồ sơ thi hành án, hồ sơ thi hành quyết định của người chấp hành án hình sự tại cộng đồng thực hiện theo quy định của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng.

Điều 6. Tiếp nhận người chấp hành án hình sự tại cộng đồng

1. Việc tiếp nhận người chấp hành án thực hiện như sau:

a) Đối với người chấp hành án phạt quản chế: Công an cấp xã phải phối hợp với trại giam nơi quản lý phạm nhân có án phạt quản chế để nắm chắc thông tin việc đưa người có án phạt quản chế về nơi cư trú; xây dựng phương án tiếp nhận người có án phạt quản chế đảm bảo an ninh, an toàn; báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về việc chuẩn bị tiếp nhận người có án phạt quản chế.

Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh cử cán bộ đến trụ sở Công an cấp xã để thực hiện tiếp nhận người có án phạt quản chế; báo cáo Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Công an về kết quả việc thực hiện tiếp nhận người có án phạt quản chế.

Việc bàn giao, tiếp nhận người có án phạt quản chế thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 109 Luật Thi hành án hình sự số 127/2025/QH15;

b) Đối với người được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù: Công an cấp xã, đơn vị quân đội thông báo cho gia đình người được tạm đình chỉ biết việc tiếp nhận người được tạm đình chỉ; tổ chức tiếp nhận người được tạm đình chỉ do trại giam, trại tạm giam bàn giao tại trụ sở Công an cấp xã hoặc tại gia đình người được tạm đình chỉ; giao người được tạm đình chỉ cho gia đình người được tạm đình chỉ ngay sau khi tiếp nhận.

Trường hợp người được tạm đình chỉ bị bệnh nặng được bàn giao tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh nơi người đó về cư trú, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu được giao quản lý, giám sát, giáo dục có trách nhiệm phối hợp với gia đình của người đó để quản lý, giám sát, giáo dục người được tạm đình chỉ trong thời gian người đó điều trị tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Ngay sau khi nhận được biên bản bàn giao người được tạm đình chỉ hoặc khi người được tạm đình chỉ xuất viện thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu thông báo cho Công an cấp xã, đơn vị quân đội để thực hiện quản lý, giám sát, giáo dục người được tạm đình chỉ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự số 127/2025/QH15;

c) Đối với người được hưởng án treo, người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, cấm cư trú, người được hoãn, tha tù trước thời hạn có điều kiện, việc tiếp nhận người chấp hành án được thực hiện bằng thủ tục triệu tập người chấp hành án theo quy định của Luật Thi hành án hình sự số 127/2025/QH15.

2. Khi tiếp nhận người chấp hành án quy định tại khoản 1 Điều này, cán bộ Công an cấp xã, đơn vị quân đội thực hiện các nội dung sau:

a) Thông báo bản án, quyết định thi hành án, quyết định của Toà án cho người chấp hành án;

b) Phổ biến quyền và nghĩa vụ của người chấp hành án;

c) Thông báo, tư vấn các chính sách, pháp luật có liên quan đến việc chấp hành án;

d) Yêu cầu người chấp hành án khai báo, cung cấp thông tin lai lịch cá nhân và các thông tin cần thiết khác phục vụ quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án;

đ) Yêu cầu người chấp hành án viết cam kết chấp hành nghĩa vụ, chấp hành án;

e) Lập biên bản làm việc với người chấp hành án;

g) Thực hiện công việc cần thiết khác (nếu có).

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận người chấp hành án, Công an cấp xã, đơn vị quân đội thực hiện:

a) Báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu về việc tiếp nhận người chấp hành án;

b) Thu thập, bổ sung cập nhật và hoàn chỉnh thông tin về người chấp hành án phục vụ việc quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án.

Điều 7. Lập kế hoạch quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận người chấp hành án, Trưởng Công an cấp xã, Thủ trưởng đơn vị quân đội ban hành kế hoạch quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án; báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu và Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Kế hoạch quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án bao gồm các nội dung cơ bản sau đây:

- a) Thông tin tóm tắt về lai lịch của người chấp hành án;
- b) Thời điểm bắt đầu, thời điểm kết thúc việc quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án;
- c) Phân công, giao nhiệm vụ cho cán bộ chủ trì trực tiếp quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án;
- d) Đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phối hợp quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án;
- đ) Các công việc cần triển khai thực hiện quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án.

3. Trường hợp cần điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế, Trưởng Công an cấp xã, Thủ trưởng đơn vị quân đội ban hành kế hoạch thay thế và phải đảm bảo các nội dung cơ bản quy định tại khoản 2 Điều này, kế thừa các nội dung đã được thực hiện của các kế hoạch trước đó.

Điều 8. Thực hiện nhận xét, báo cáo việc chấp hành án hình sự tại cộng đồng

1. Việc tiếp nhận báo cáo của người chấp hành án hình sự tại cộng đồng

a) Đối với báo cáo định kỳ: Cán bộ Công an cấp xã, đơn vị quân đội được phân công quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng có trách nhiệm tiếp nhận bản báo cáo định kỳ của người chấp hành án theo quy định của Luật Thi hành án hình sự số 127/2025/QH15; kiểm tra các nội dung của bản báo cáo; trường hợp không bảo đảm thì yêu cầu người chấp hành án báo cáo lại; lưu bản báo cáo vào hồ sơ thi hành án;

b) Trường hợp người chấp hành án báo cáo các nội dung khác (không theo định kỳ), Công an cấp xã, đơn vị quân đội phải xác minh và giải quyết, xử lý

theo quy định của pháp luật.

2. Việc nhận xét, báo cáo đối với người chấp hành án hình sự tại cộng đồng định kỳ hằng tháng thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 05 ngày đầu tiên của tháng tiếp theo, Trưởng Công an cấp xã, Thủ trưởng đơn vị quân đội phải ký bản nhận xét, báo cáo lưu hồ sơ thi hành án; lập danh sách kết quả phân loại việc chấp hành án của các đối tượng trong địa bàn và gửi cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu và Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Mốc thời gian nhận xét, báo cáo tính từ ngày 01 đến ngày cuối cùng của tháng. Đối với tháng nhận xét đầu tiên, tính từ ngày bắt đầu chấp hành án. Đối với tháng cuối cùng, tính đến ngày bàn giao hồ sơ thi hành án cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu;

c) Nội dung nhận xét phải đánh giá được việc chấp hành pháp luật, chấp hành nghĩa vụ của người chấp hành án; phân loại việc chấp hành án theo các loại Tốt, Khá, Trung bình, Kém.

3. Công an cấp xã, đơn vị quân đội đánh giá, phân loại người chấp hành án hình sự tại cộng đồng để có kế hoạch thực hiện quản lý, giám sát, giáo dục phù hợp theo từng loại. Tiêu chí đánh giá, phân loại như sau:

a) Xếp loại Tốt: Chấp hành đúng quy định của pháp luật, quy định của địa phương, nghĩa vụ của người chấp hành án; tích cực, hăng hái học tập, lao động và tham gia vào các hoạt động xã hội; lập công được khen thưởng;

b) Xếp loại Khá: Chấp hành đúng quy định của pháp luật, quy định của địa phương, nghĩa vụ của người chấp hành án; tích cực, hăng hái trong học tập, lao động và tham gia vào các hoạt động xã hội;

c) Xếp loại Trung bình: Chấp hành đúng quy định của pháp luật, quy định của địa phương nhưng không tích cực tham gia học tập, lao động; vi phạm nghĩa vụ của người chấp hành án mà bị nhắc nhở;

d) Xếp loại Kém: Vi phạm nghĩa vụ bị lập biên bản, vi phạm pháp luật bị xử lý vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính hoặc xử lý hình sự; không chấp hành yêu cầu quản lý, giám sát, giáo dục của cơ quan thi hành án hình sự, Ủy ban nhân dân cấp xã, Công an cấp xã, đơn vị quân đội.

Điều 9. Kiểm điểm người chấp hành án hình sự tại cộng đồng vi phạm nghĩa vụ, vi phạm pháp luật

1. Việc kiểm điểm người được tha tù trước thời hạn có điều kiện quy định tại Điều 64 Luật Thi hành án hình sự số 127/2025/QH15 thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản vi phạm nghĩa vụ lần đầu hoặc kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt vi phạm hành chính lần đầu, Công an cấp xã phải phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, Mặt trận

Tổ quốc Việt Nam cấp cơ sở tổ chức kiểm điểm người được tha tù trước thời hạn có điều kiện. Việc kiểm điểm người được tha tù trước thời hạn có điều kiện thực hiện tại trụ sở Công an cấp xã hoặc tại khu dân cư nơi người được tha tù trước thời hạn có điều kiện cư trú.

Thành phần kiểm điểm gồm: Đại diện chỉ huy Công an cấp xã (Chủ trì), cán bộ Công an cấp xã được phân công quản lý, giám sát, giáo dục người được tha tù trước thời hạn có điều kiện (Thư ký), mời đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp cơ sở và người được Ủy ban nhân dân cấp xã phân công tham gia quản lý, giám sát, giáo dục người được tha tù trước thời hạn có điều kiện tham dự; triệu tập người được tha tù trước thời hạn có điều kiện; trường hợp cần thiết mời đại diện gia đình của người được tha tù trước thời hạn có điều kiện dự kiểm điểm.

Nội dung họp kiểm điểm gồm: Đại diện chỉ huy Công an cấp xã thông báo lý do, căn cứ, mục đích kiểm điểm người được tha tù trước thời hạn có điều kiện; nội dung vi phạm nghĩa vụ của người được tha tù trước thời hạn có điều kiện; các thành phần tham dự họp nêu ý kiến tham gia, đóng góp cho người được tha tù trước thời hạn có điều kiện nhận rõ vi phạm, có phương hướng cải tạo tiến bộ, không tái vi phạm;

b) Trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện đang làm việc tại đơn vị quân đội thì việc kiểm điểm được thực hiện tại đơn vị quân đội nơi người đó làm việc;

c) Việc kiểm điểm phải được lập thành biên bản, lưu hồ sơ quản lý người được tha tù trước thời hạn có điều kiện và báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu;

d) Trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện không có mặt để kiểm điểm theo đúng thời hạn triệu tập trừ trường hợp do tình trạng khẩn cấp, lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan thì Công an cấp xã, đơn vị quân đội tiến hành lập biên bản vi phạm nghĩa vụ; không tổ chức họp kiểm điểm.

2. Việc kiểm điểm người được hưởng án treo quy định tại Điều 86 Luật Thi hành án hình sự số 127/2025/QH15 thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xác định người được hưởng án treo vi phạm thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 86 Luật Thi hành án hình sự số 127/2025/QH15, Công an cấp xã, đơn vị quân đội tổ chức kiểm điểm người được hưởng án treo;

b) Đối với Công an cấp xã: Việc tổ chức kiểm điểm người được hưởng án treo thực hiện tại trụ sở Công an cấp xã như sau:

Thành phần kiểm điểm gồm: Đại diện chỉ huy Công an cấp xã (Chủ trì), cán bộ Công an cấp xã được phân công quản lý, giám sát, giáo dục người được

hưởng án treo (Thư ký), mời đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp cơ sở, người được Ủy ban nhân dân cấp xã phân công tham gia quản lý, giám sát, giáo dục người được hưởng án treo tham dự; triệu tập người được hưởng án treo; trường hợp cần thiết mời đại diện gia đình của người được hưởng án treo tham dự kiểm điểm.

Nội dung họp kiểm điểm gồm: Đại diện chỉ huy Công an cấp xã thông báo lý do, căn cứ, mục đích kiểm điểm người được hưởng án treo; việc vi phạm nghĩa vụ của người được hưởng án treo; các thành phần tham dự họp nêu ý kiến tham gia, đóng góp cho người được hưởng án treo nhận rõ vi phạm, có phương hướng cải tạo tiên bộ, không tái vi phạm.

c) Đối với đơn vị quân đội: Việc kiểm điểm được thực hiện tại đơn vị quân được giao quản lý, giám sát, giáo dục người được hưởng án treo;

d) Việc kiểm điểm phải được lập thành biên bản, lưu hồ sơ thi hành án treo và báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu;

đ) Trường hợp người được hưởng án treo không có mặt để kiểm điểm theo đúng thời hạn triệu tập mà không có lý do chính đáng thì Công an cấp xã, đơn vị quân đội tiến hành lập biên bản vi phạm nghĩa vụ; không tổ chức họp kiểm điểm.

3. Việc kiểm điểm người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ quy định tại khoản 2 Điều 102 Luật Thi hành án hình sự số 127/2025/QH15 thực hiện như kiểm điểm đối với người được hưởng án treo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 10. Điểm danh, kiểm diện người chấp hành án hình sự tại cộng đồng

1. Định kỳ hằng tháng, trong thời hạn 05 ngày đầu tiên của tháng, Công an cấp xã điểm danh, kiểm diện toàn bộ người chấp hành án hình sự tại cộng đồng trên địa bàn. Kết quả điểm danh, kiểm diện báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, Trưởng Công an cấp xã quyết định việc đột xuất điểm danh, kiểm diện người chấp hành án hình sự tại cộng đồng.

3. Việc điểm danh, kiểm diện người chấp hành án thực hiện bằng hình thức trực tiếp hoặc thông qua ứng dụng điện tử.

Điều 11. Quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng trong một số trường hợp đặc biệt

1. Trường hợp người chấp hành án hình sự tại cộng đồng là người nước ngoài

a) Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh phải thông báo cho Bộ Ngoại giao trong các trường hợp: Khi tiếp nhận quyết định thi hành án; người chấp hành án được giảm, miễn thời hạn chấp hành án, chấp hành xong án phạt

hoặc chết;

b) Trường hợp người chấp hành án chưa chấp hành xong án phạt mà hết thời hạn cư trú tại Việt Nam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh thông báo, đề nghị Bộ Ngoại giao hoặc cơ quan quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an để giải quyết việc gia hạn thời hạn cư trú tại Việt Nam cho đến khi hết thời hạn chấp hành án;

c) Tài liệu trong hồ sơ thi hành án bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt.

2. Trường hợp người chấp hành án được giải quyết học tập, làm việc ngoài nơi cư trú, cơ quan, tổ chức nơi người chấp hành án học tập, làm việc có trách nhiệm phối hợp thực hiện quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã, Công an cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án.

3. Trường hợp người chấp hành án bị khởi tố bị can, Công an cấp xã, đơn vị quân đội phối hợp với cơ quan thụ lý vụ án để nắm thông tin về người chấp hành án.

Trường hợp người chấp hành án bị tạm giữ, tạm giam, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng, Công an cấp xã, đơn vị quân đội phối hợp với cơ quan nơi quản lý người chấp hành án để nắm thông tin phục vụ quản lý, giám sát, giáo dục.

Điều 12. Phối hợp thực hiện quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng

1. Công an cấp xã chủ trì, phối hợp với các tổ chức đoàn thể thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Cựu Công an nhân dân, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở ở địa phương để thực hiện quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng.

2. Công an cấp xã phối hợp với cơ quan, tổ chức nơi người chấp hành án làm việc, học tập để nắm tình hình người chấp hành án phục vụ quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án.

3. Đơn vị quân đội được giao quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án phối hợp với gia đình, Ủy ban nhân dân cấp xã, Công an cấp xã nơi người chấp hành án cư trú trong việc quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án.

4. Việc phối hợp với gia đình người chấp hành án để phục vụ quản lý, giám sát, giáo dục phải được thực hiện thường xuyên.

5. Đối với người được tha tù trước thời hạn có điều kiện, người được hưởng án treo, người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, việc phân công người tham gia quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 71, khoản 2 Điều 90 và khoản 2 Điều 103

Luật Thi hành án hình sự số 127/2025/QH15, như sau:

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận người chấp hành án, Trưởng Công an cấp xã báo cáo, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định phân công người thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở tham gia quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, đề nghị của Trưởng Công an cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải ra quyết định phân công người tham gia quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng;

b) Trường hợp người được phân công không còn khả năng thực hiện hoặc thực hiện không có kết quả, Trưởng Công an cấp xã tham mưu, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định phân công người khác thay thế;

c) Người được phân công có trách nhiệm phối hợp với Công an cấp xã thực hiện quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án; nắm thông tin người chấp hành án và quá trình chấp hành án; hướng dẫn, hỗ trợ người chấp hành án thực hiện quyền, nghĩa vụ; cung cấp thông tin tài liệu liên quan đến việc quản lý, giáo dục, giúp đỡ người chấp hành án; hằng quý báo cáo kết quả quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án;

d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có căn cứ xác định việc kết thúc quản lý, giám sát, giáo dục quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này, Trưởng Công an cấp xã báo cáo, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định kết thúc việc quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng.

Chương III

THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ, GIÁM SÁT, GIÁO DỤC NGƯỜI CHẤP HÀNH ÁN HÌNH SỰ TẠI CỘNG ĐỒNG

Điều 13. Nghiên cứu, khai thác hồ sơ, tài liệu của người chấp hành án hình sự tại cộng đồng

1. Công an cấp xã, đơn vị quân đội, cán bộ Công an cấp xã, đơn vị quân đội được phân công thực hiện quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng nghiên cứu hồ sơ thi hành án, hồ sơ thi hành quyết định để nắm đầy đủ thông tin cần thiết của người chấp hành án.

2. Công an cấp xã, đơn vị quân đội phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức nơi người chấp hành án học tập, làm việc để thu thập thông tin, tài liệu cần thiết về người chấp hành án như sau:

a) Công an cấp xã, đơn vị quân đội gửi văn bản đề nghị cung cấp thông tin hoặc cử cán bộ trực tiếp đến làm việc với cơ quan, đơn vị, tổ chức để thu thập thông tin;

b) Chỉ được thu thập thông tin, tài liệu có liên quan đến việc thực hiện công tác quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án;

c) Việc thu thập thông tin không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của các cơ quan, đơn vị, tổ chức.

3. Cơ quan, đơn vị, tổ chức nơi người chấp hành án học tập, làm việc có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 14. Tổ chức truyền thông, tuyên truyền, giáo dục chính sách, pháp luật cho người chấp hành án hình sự tại cộng đồng

1. Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu, Công an cấp xã, đơn vị quân đội tổ chức các đợt, lớp truyền thông, tuyên truyền, giáo dục cho người chấp hành án trên địa bàn.

2. Trong quá trình quản lý, giám sát, giáo dục, cán bộ Công an cấp xã, đơn vị quân đội thực hiện tư vấn, phổ biến, giáo dục chính sách pháp luật cho người chấp hành án khi mới tiếp nhận, chuẩn bị chấp hành xong án phạt hoặc giáo dục cá biệt đối với các trường hợp phân loại chấp hành án Trung bình, Kém.

Điều 15. Gặp, làm việc trực tiếp người chấp hành án hình sự tại cộng đồng

1. Căn cứ vào tình hình, kết quả chấp hành án, Trưởng Công an cấp xã, Thủ trưởng đơn vị quân đội cử cán bộ gặp, làm việc trực tiếp với người chấp hành án để nắm tình hình, hoàn cảnh người chấp hành án và có biện pháp quản lý, giáo dục, giúp đỡ phù hợp.

2. Việc gặp, làm việc người chấp hành án được thực hiện tại gia đình, nơi người chấp hành án học tập, làm việc hoặc triệu tập đến trụ sở Công an cấp xã, đơn vị quân đội. Kết quả gặp, làm việc với người chấp hành án phải được ghi nhận bằng biên bản, lưu hồ sơ thi hành án, hồ sơ thi hành quyết định.

Điều 16. Áp dụng phương tiện kỹ thuật thực hiện quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng

1. Cán bộ Công an cấp xã được thực hiện việc quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng thông qua việc thiết lập kênh liên lạc với người chấp hành án bằng các ứng dụng trên nền tảng mạng xã hội, ứng dụng chuyên biệt của Bộ Công an.

2. Người chấp hành án báo cáo tình trạng theo định kỳ hoặc khi có yêu cầu của Công an cấp xã qua ứng dụng mạng xã hội, ứng dụng chuyên biệt của Bộ Công an cho cán bộ Công an cấp xã. Nội dung báo cáo, gồm:

a) Tình trạng về sức khỏe, công việc của bản thân;

- b) Công việc dự kiến thực hiện trong kỳ tới;
- c) Những vấn đề có liên quan đến việc chấp hành án cần báo cáo.

3. Bộ trưởng Bộ Công an quy định thống nhất quy trình áp dụng các biện pháp kỹ thuật trong quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG THỰC HIỆN QUẢN LÝ, GIÁM SÁT, GIÁO DỤC NGƯỜI CHẤP HÀNH ÁN HÌNH SỰ TẠI CỘNG ĐỒNG

Điều 17. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ

1. Bộ Công an có trách nhiệm:

- a) Chỉ đạo, hướng dẫn thống nhất thực hiện quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng;
- b) Ban hành quy trình, chương trình quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng và hướng dẫn cụ thể nội dung chi, mức chi phục vụ công tác quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước;
- c) Ban hành biểu mẫu, sổ sách quản lý, giám sát, giáo dục thống nhất với hệ thống biểu mẫu, sổ sách về thi hành án hình sự tại cộng đồng;
- d) Triển khai ứng dụng khoa học kỹ thuật trong quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng;
- đ) Sơ kết, tổng kết việc thực hiện quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng;
- e) Thực hiện báo cáo về thực hiện quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng.

2. Bộ Quốc phòng có trách nhiệm: Chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng trong Quân đội.

3. Bộ Tư pháp có trách nhiệm: Phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng.

4. Các bộ, cơ quan ngang bộ phối hợp với Bộ Công an trong việc thực hiện quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng.

Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- 1. Chỉ đạo các sở, cơ quan trực thuộc phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và

các thành viên, lực lượng Công an thực hiện quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng.

2. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát, giáo dục trong phạm vi địa phương mình quản lý.

3. Chỉ đạo tổ chức truyền thông, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về các biện pháp quản lý, giám sát, giáo dục.

4. Chỉ đạo cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân cấp xã và có chính sách phù hợp để khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc tạo điều kiện để người chấp hành án hình sự tại cộng đồng học nghề, tìm kiếm việc làm, ổn định cuộc sống.

5. Xây dựng dự toán kinh phí hàng năm thực hiện quản lý, giám sát, giáo dục để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

6. Đảm bảo các điều kiện về thực hiện công tác quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng.

Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tổ chức thực hiện quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng theo quy định của Luật Thi hành án hình sự số 127/2025/QH15 và Nghị định này.

2. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phối hợp với Công an, các đoàn thể, tổ chức ở địa phương trong thực hiện quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng.

3. Bảo đảm kinh phí, trang thiết bị phục vụ quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng.

4. Tạo điều kiện cho người chấp hành án hình sự tại cộng đồng trong học nghề, tìm kiếm việc làm ổn định cuộc sống.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác trong quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng.

Điều 20. Trách nhiệm của Công an cấp tỉnh

1. Tham mưu với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để tổ chức thực hiện quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng.

2. Phối hợp với các sở, ban, ngành ở địa phương thực hiện nhiệm vụ thi hành án hình sự tại cộng đồng.

3. Chỉ đạo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, Công an cấp xã thực hiện quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng.

4. Bố trí cán bộ, kinh phí, các điều kiện cần thiết về cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hiện quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại

cộng đồng theo quy định của pháp luật và của Bộ Công an.

5. Báo cáo kết quả thực hiện công tác quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng.

6. Thực hiện nhiệm vụ khác trong quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng.

Điều 21. Trách nhiệm của Công an cấp xã

1. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án theo quy định của Luật Thi hành án hình sự số 127/2025/QH15 và Nghị định này.

2. Trực tiếp thực hiện các nội dung, biện pháp quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng.

3. Phân công cán bộ Công an thực hiện quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng.

4. Phối hợp với cơ quan chuyên môn, các đoàn thể thực hiện quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng.

5. Báo cáo công tác quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác trong quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng theo quy định của pháp luật và của Bộ Công an.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Việc thực hiện quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng đối với các trường hợp Công an cấp xã, đơn vị quân đội nhân được quyết định thi hành án, quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện, quyết định hoãn chấp hành án phạt tù, quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, chứng nhận chấp hành xong án phạt tù kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

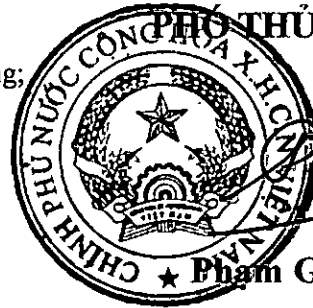
Đối với các trường hợp đến thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành mà chưa kết thúc quản lý, giám sát, giáo dục thì tiếp tục thực hiện quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian còn lại theo quy định của Nghị định này; kết quả thực hiện tiếp nhận, quản lý, giám sát, giáo dục trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành được kế thừa và tính liên tục vào toàn bộ quá trình chấp hành án.

Điều 23. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, NC (2b). 12



TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Phạm Gia Túc